

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 13 tháng 12 năm 2022  
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Dẫm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Thái Trân;
- Ông Nguyễn Quốc Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lâm Phước Tín – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 332/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khóm A, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt);

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Trung V, sinh năm 1978; Địa chỉ: Khóm A, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu S trình bày:*

Chị S và anh Đoàn Trung V tự tìm hiểu và yêu thương nhau sau đó được cha, mẹ hai bên đồng ý dẫn đến kết hôn, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống từ năm 2014 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn và nay chị S yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị S và anh V có 02 (hai) con chung tên Đoàn Ngọc Nữ Thiên S, sinh ngày 30/3/2004 (đã trưởng thành) và Đoàn Nguyễn Trung N, sinh ngày 08/11/2005 hiện cháu N đang sống chung với cha và mẹ, chị S yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 668/TB-TLVA ngày 27/7/2022 anh Đoàn Hải L (em ruột anh V) thông báo và giao lại cho anh V biết về việc chị S khởi kiện ly hôn với anh Đoàn Trung V tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của anh V đối với yêu cầu của chị S và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) của anh V gửi cho Tòa án.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tình cảm, con chung được. Ngày 14/10/2022, Tòa án ban hành Thông báo số 36/TB-TA về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung, công khai tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho anh V được biết thông qua anh Đoàn Hải L (em ruột anh V) để giao lại cho anh V và anh V cũng không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh V vắng mặt, chị S giữ nguyên ý kiến yêu cầu khởi kiện.

Hội đồng xét xử công bố các biên bản xác minh ngày 13/9/2022, cụ thể:

- Ngày 13/9/2022, qua xác minh tình trạng cư trú của anh Đoàn Trung V tại Công an phường P, thị xã T, tỉnh An Giang. Được biết: Đương sự Đoàn Trung V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khóm A, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang. Hiện nay đương sự Đoàn Trung V chưa cắt chuyển hộ khẩu đi nơi khác sinh sống.

- Ngày 13/9/2022, Ban nhân dân khóm A, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang cho biết, đương sự Đoàn Trung V không có mặt tại địa phương khi Tòa án đến lấy lời khai và cho biết, đương sự Đoàn Trung V và Nguyễn Thị Thu S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, có 02 con chung tên Đoàn Ngọc Nữ Thiên S, sinh ngày 30/3/2004 (đã trưởng thành) và Đoàn Nguyễn Trung Nam, sinh ngày 08/11/2005. Vợ chồng anh V và chị S hiện nay không còn chung sống nhau, thời gian bao lâu thì không nhớ; anh V và chị S mâu thuẫn xảy ra thế nào thì cũng không biết do anh V và chị S không có trình báo địa phương để hòa giải.

- Ngày 14/10/2022, cháu Đoàn Nguyễn Trung N, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2005 có trình bày ý kiến với sự giám hộ của chị Nguyễn Thị Thu S (mẹ cháu N), cháu N cho biết, trường hợp cha, mẹ cháu ly hôn thì cháu N có nguyện vọng sống với mẹ là bà Nguyễn Thị Thu S.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Bị đơn vắng mặt, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa: Chị S và anh V quen biết nhau trước, được cha mẹ hai bên đồng ý tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, thường xuyên cự cãi xung đột nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vợ chồng bất đồng quan điểm, thời gian không còn chung sống từ năm 2014 đến nay, chị S yêu cầu được ly hôn với anh V là có căn cứ.

Về con chung: Chị S và anh V có 02 (hai) con chung tên Đoàn Ngọc Nữ Thiên S, sinh ngày 30/3/2004 (đã trưởng thành) và Đoàn Nguyễn Trung N, sinh ngày 08/11/2005 hiện cháu N đang sống chung với cha và mẹ. Cháu N có nguyện vọng sống chung với chị S khi chị S và anh V ly hôn, chị S yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu S được ly hôn anh Đoàn Trung V.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thu S được nuôi dạy cháu Đoàn Nguyễn Trung N, sinh ngày 08/11/2005. Anh Đoàn Trung V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị S không yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*\*Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Thu S khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Trung V. Anh V có nơi cư trú: Khóm A, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Đoàn Trung V được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*\* Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị S và anh V do quen biết nhau trước, được cha mẹ hai bên đồng ý tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 09/4/2004 do Ủy ban nhân dân xã Long Phú, huyện Tân Châu (nay là phường P, thị xã T) tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Thị Thu S và Đoàn Trung V. Hôn nhân giữa chị S và anh V là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị S khai, sau khi kết hôn, chị S và anh V chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, thường xuyên cự cãi xung đột nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vợ chồng bất đồng quan điểm. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh V.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị S và anh V hàn gắn tình cảm gia đình nhưng anh V vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Từ đó, cho thấy anh V chưa thật sự hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị S.

Tình trạng vợ chồng của chị S và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị S ly hôn với anh V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Chị S và anh V có 02 (hai) con chung tên Đoàn Ngọc Nữ Thiên S, sinh ngày 30/3/2004 (đã trưởng thành) và Đoàn Nguyễn Trung N, sinh ngày 08/11/2005 hiện cháu N đang sống chung với cha và mẹ. Chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Đoàn Nguyễn Trung N, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung, cháu N có nguyện vọng sống với mẹ là chị S khi cha, mẹ ly hôn.

Xét, cháu Đoàn Ngọc Nữ Thiên S, sinh ngày 30/3/2004 (đã trưởng thành) chị S không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Chị S yêu cầu được nuôi dạy cháu Đoàn Nguyễn Trung N, sinh ngày 08/11/2005, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

Chị Nguyễn Thị Thu S cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Đoàn Trung V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến, nếu sau này giữa chị S và anh V có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí.

Anh Đoàn Trung V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[6] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

#### ***Tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu S

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu S được ly hôn với anh Đoàn Trung V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 09/4/2004 do Ủy ban nhân dân xã Long Phú, huyện Tân Châu (nay là phường P, thị xã T) tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Thị Thu S và Đoàn Trung V không còn giá trị pháp lý

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thu S được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Đoàn Nguyễn Trung N, sinh ngày 08/11/2005 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Anh Đoàn Trung V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Thu S cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Đoàn Trung V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0005241 ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Nguyễn Thị Thu S đã nộp đủ án phí.

Anh Đoàn Trung V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị S là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Đoàn Trung V là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang;
- UBND phường P, thị xã T, tỉnh An Giang;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hữu Dẫm**